

抗冲击耐高温高透明TPX 日本三井化学 T110耐化学耐酸性

产品名称	抗冲击耐高温高透明TPX 日本三井化学 T110耐化学耐酸性
公司名称	京冀(广州)新材料有限公司
价格	66.00/千克
规格参数	TPX:耐化学耐酸性 T110:抗冲击耐高温 日本三井化学:高透明
公司地址	广州市南沙区丰泽东路106号(自编1号楼)X130 1-E014087(注册地址)
联系电话	18938547875 18938547875

产品详情

聚(4-甲基戊烯)的高透明度主要是由于结晶相的螺旋组型中分子的光学异向性([anisotropy](#))低以及结晶部份与无定形部份的密度及折射率接近所造成的。结晶部份与无定形部份的折射率很接近，使得材料的等向性([isotropy](#))高。因此，TPX便成为目前已商业化的高透明度树脂中唯一的结晶性聚合体。

高透明度，优良的[耐热性](#)以及低比重可说是TPX为独特的性质。

应用市场

目前，全世界TPX的年使用量约为6000T，以[欧美](#)及日本市场为主。以前，台湾的业界对TPX材料并不是熟悉，使用TPX的主要原因通常为国外厂商所指定。因此，数年前台湾的TPX用量并不大，年使用量约10T，用途局限于微波炉餐具、透明化妆品容器及医疗器材。

但随着台湾[电子工业](#)的进展，台湾的TPX用量在近年来有大幅的成长。TPX的离形性及耐温性使其成为优异的[环氧树脂](#)封装用[模具材料](#)。2000年，台湾约使用90公顷的TPX来制造[LED封装](#)模具。在电子封装业中，[常会](#)使用到一些可耐热的[离形纸](#)或膜。TPX制的离形膜因具有优良的耐温性而受到青睐。

2000年，台湾业界约使用了50公顷的离形膜。

另外，TPX的介电常数很低，因而有些TPX被用来制造高频连接器

。因此，目前台湾的TPX年使用量大约为150公吨，预估未来的用量会持续成长。

R ú t gn 2 v, ta s c ó : 20 = 25 x p. Vy l à p = 4/5. Nhng thay v ì ma trn 2 x 2 s l à ma trn 3 x 3. Nu c tip tc nh vy, tt c á c quc gia s tr th à nh dn ch ht. V à gi, ch ú ng ta s chuyn sang mt m h ì nh phc tp hn. V à hy gi s rng ch ú ng ta s phn loi c á c quc gia

R ú t gn 2 v, ta s c ó : 20 = 25 x p. Vy l à p = 4/5.

Bi v ì , n ó gi ú p ch ú ng ta t ì m thy iu g ì s xy ra, tr á i ngc vi s suy lun rng s c ó mt xu hng ln tin ti dn ch.

V à gi, ti s xem s linh ng trong trng hp n à y, n ó s gi ú p í ch cho ch ú ng ta, tng hp li nhng kin thc hc v à bit nhieu hn mt ch ú t v c á ch vn h à nh ca qu á tr ì nh Markov. Ti nhn thy sau mi thp k, 5% s quc gia t do, v à khong 15% quc gia khng t do tr th à nh na t do. Nu c tip tc nh vy, tt c c á c quc gia s tr th à nh dn ch ht. V à gi, ch ú ng ta s chuyn sang mt m h ì nh phc tp hn. V à hy gi s rng ch ú ng ta s phn loi c á c quc gia

Mt khi ch ú ng ta hiu c m h ì nh, th ì ta c ó th d ù ng n ó gii quy t nhng b à i to á n thc t V à m rng phm vi b à i to á n, thm ch í a d liu thc t v à o n ó v à hiu bit s u sc hn. Ch ú ng ta thc s thy r r à ng hn mi th u theo kiu 2/3. Mt khi ch ú ng ta hiu c m h ì nh, th ì ta c ó th d ù ng n ó gii quy t nhng b à i to á n thc t V à m rng phm vi b à i to á n, thm ch í a d liu thc t v à o n ó v à hiu bit s u sc hn. Nhng thay v ì ma trn 2 x 2 s l à ma trn 3 x 3. Ta s c ó c kt qu 52% l à dn ch trong thp k tip theo.

S c ó mt s trng th á i, trong trng hp n ê u l à tp trung hay nh à m ch á n. Vy n ê n, ó l à s thay i x á c sut. V à 5% quc gia khng t do, 10% quc gia na t do s tr th à nh t do. 10% quc gia na t do s tr th à nh khng t do. Bi v ì , n ó gi ú p ch ú ng ta t ì m thy iu g ì s xy ra, tr á i ngc vi s suy lun rng s c ó mt xu hng ln tin ti dn ch.